TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2018/KDTM-ST
Ngày: 21/8/2018
V/v "tranh chấp kinh doanh thương mại về Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng

2. Ông Lý Đạt Thành

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Cẩm Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn *tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2017/TLST-KDTM ngày 12/12/2017 về việc "Tranh chấp kinh doanh thương mại - Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2018/QĐXX-KDTM ngày 09/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần xi măng Đ.

Địa chỉ: số 166, Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng A, sinh năm 1984 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh D, sinh năm 1979 – Chức vụ: Giám đốc kinh doanh. Địa chỉ: Số14B Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt). (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2018).

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1975 (vắng mặt).
Bà Trang Thị Cẩm H, sinh năm 1975 (có mặt).

Cư trú tại: Tổ 5, ấp Trung Phú 2, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần xi măng Đ do ông Lê Minh D đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty Cổ phần xi măng Đ (gọi tắt là Công ty Đ) với ông Phạm Ngọc L có ký kết hợp đồng mua bán xi măng. Theo nội dung hợp đồng, nếu ông L có nhu cầu mua hàng thì liên hệ với Công ty, Công ty sẽ hàng đến tận nhà theo đơn đặt hàng và ông L sẽ thanh toán tiền cho Công ty chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày giao nhận hàng. Định kỳ trước ngày 5 hàng tháng, hai bên sẽ tiến hành đối chiếu công nợ (Số dư đầu tháng, số dư cuối tháng, số lượng mua trong tháng, giá trị mua trong tháng, tổng số tiền thanh toán) và các bên cùng ký xác nhận vào sổ đối chiếu khối lượng và công nợ.

Theo đơn đặt hàng của ông L vào ngày 19/01/2016, Công ty Đ đã giao hàng và ông L đã nhận đủ 600 bao xi măng với giá trị là 46.500.000 đồng. Sau khi nhận hàng, vợ chồng ông L đã trả tiền thành nhiều đợt được 27.500.000 đồng, số tiền còn lại là 19.000.000 đồng đến nay chưa trả. Công ty nhiều lần yêu cầu ông L thanh toán số tiền này nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Tại đơn khởi kiện, Công ty Cổ phần xi măng Đ yêu cầu vợ chồng ông Phạm Ngọc L và bà Trang Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 25.333.000 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là 19.000.000 đồng, lãi suất phát sinh 0.975%/tháng tính từ ngày 19/02/2016 đến khi kết thúc vụ kiện và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 1.520.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, Công ty Cổ phần xi măng Đ do anh Lê Minh D đại diện xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng ông L, bà H liên đới trả cho Công ty số tiền gốc là 19.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 0.975%/tháng tính từ ngày 17/4/2017 đến khi kết thúc vụ kiện. Công ty không yêu cầu ông L, bà H trả tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Bị đơn chị Trang Thị Cẩm H trình bày: Tôi là vợ của ông Phạm Ngọc L, tôi thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, vợ chồng tôi có kinh doanh cửa hàng vật liệu xây dựng mang tên Ba L do chồng tôi đứng tên giấy phép đăng ký kinh doanh, tôi là người phụ tiếp bán hàng. Quá trình kinh doanh, cửa hàng của tôi có nợ Công ty Đ số tiền 19.000.000 đồng. Cách đây 01 năm, đại diện phía Công ty có đến nhà tôi đòi nợ nhưng do làm ăn thua lỗ nên đến nay vẫn không có khả năng thanh toán cho Công ty.

Nay Công ty Đ yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền gốc là 19.000000 đồng, lãi phát sinh 0.975%/tháng tính từ ngày 17/4/2017 đến khi kết thúc vụ kiện thì tôi có ý kiến như sau: Tôi đồng ý cùng chồng tôi trả số tiền 19.000.000 đồng, đề nghị phía Công ty Đ không tính lãi. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nhiều người nợ tiền vật liệu xây dựng của tôi đến nay chưa trả nên đề nghị Công ty cho trả dần số tiền này mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp kinh doanh thương mại, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Ngọc L và bà Trang Thị Cẩm H có địa chỉ cư ngụ tại ấp Trung Phú 2, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Công ty Cổ phần xi măng Đ khởi kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc L và bà Trang Thị Cẩm H có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty số tiền gốc là 19.000000 đồng, lãi phát sinh 0.975%/tháng tính từ ngày 19/02/2016 đến khi kết thúc vụ kiện. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Hợp đồng mua bán xi măng được ký kết giữa Công ty với ông Phạm Ngọc L, sổ đối chiếu khối lượng và công nợ do ông L trực tiếp ký. Về phía bị đơn từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông L đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên vợ ông L là bà Trang Thị Cẩm H thừa nhận vợ chồng có mua bán xi măng với Công ty Đ và còn nợ Công ty số tiền 19.000000 đồng từ ngày 17/4/2017 đến nay, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin Công ty cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và yêu cầu Công ty không tính lãi.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, giữa Công ty Cổ phần xi măng Đ với ông Phạm Ngọc L có ký Hợp đồng mua bán xi măng vào ngày 02/01/2014. Quá trình mua bán ông L có trả, có nợ tính đến ngày 17/4/2017 ông L còn nợ lại Công ty Đ số tiền 19.000000 đồng. Số nợ này được chứng minh bởi sổ đối chiếu khối lượng và công nợ do ông L trực tiếp ký và bà H thừa nhận. Xét thấy, ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên Công ty Cổ phần xi măng Đ yêu cầu ông L có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi là có căn cứ nên được chấp nhận. Ngoài yêu cầu trả vốn, phía Công ty Đ còn yêu cầu tính lãi suất chậm trả 0.975%/tháng. Xét thấy yêu cầu tính lãi của Công ty Đ là có căn cứ và mức lãi suất 0.975%/tháng nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Như vậy, tiền lãi tính từ ngày 17/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2018) làm tròn 16 tháng, được tính như sau:

- 19.000.000 đồng x 0,975% x 16 tháng = 2.964.000 đồng.

Tổng cộng vốn, lãi là: 19.000.000 đồng + 2.964.000 đồng = 21.964.000 đồng.

[4] Trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù bà H không trực tiếp tham gia ký kết Hợp đồng mua bán với Công ty Đ, nhưng bà H khai có tham gia phụ tiếp bán hàng, tiền lời từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng phục vụ cho sinh hoạt gia đình; bà H khai có biết số nợ này và hứa cùng với chồng trả nợ cho Công ty; đồng thời đây cũng là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông L với bà H, do vậy cần buộc bà H có trách nhiệm liên đới cùng với ông L trả cho Công ty Cổ phần xi măng Đ số tiền gốc và lãi 21.964.000 đồng.

[5] Tại đơn khởi kiện, Công ty Cổ phần xi măng Đ yêu cầu vợ chồng ông Phạm Ngọc L và bà Trang Thị Cẩm H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 19.000.000 đồng, lãi suất phát sinh 0.975%/tháng tính từ ngày 19/02/2016 đến khi kết thúc vụ kiện và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 1.520.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, Công ty Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng ông L, bà H có nghĩa

vụ trả số tiền gốc là 19.000.000 đồng cộng với lãi suất phát sinh 0.975%/tháng tính từ ngày 17/4/2017 đến khi kết thúc vụ kiện, Công ty không yêu cầu trả tiền phạt vi phạm hợp đồng. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

. [6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do ông Phạm Văn L, bà Trang Thị Cẩm H bị buộc trả nợ, nên phải chịu án phí 5% trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 24, Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại năm 2005; Điều 288 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần xi măng Đ

Buộc ông Phạm Văn L, bà Trang Thị Cẩm H có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Cổ phần xi măng Đ số tiền gốc và lãi là 21.964.000 đồng (Hai mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần xi măng Đ về việc yêu cầu ông Phạm Ngọc L, bà Trang Thị Ngọc H trả tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Phạm Văn L, bà Trang Thị Ngọc H chịu 1.098.200 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (Một triệu không trăm chín mươi tám ngàn hai trăm đồng).

Công ty Cổ phần xi măng Đ không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền 633.000 đồng (Sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000835, ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã (thị trấn) nơi đương sự cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS H.Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Triều